

18 tuổi trở lên ở Mỹ [7]. Theo nghiên cứu này, "Tôi muốn tự mình giải quyết vấn đề" và "Tôi nghĩ rằng vấn đề sẽ tự giải quyết" là hai rào cản được tán thành nhiều nhất. Như vậy có thể thấy những rào cản được tán thành nhiều nhất trong nghiên cứu thuộc về nhận thức, thái độ của SV hay những người phải đối mặt với vấn đề SKTT. Những rào cản khác được một số SV tán thành là những rào cản liên quan đến chi phí dịch vụ, thông tin về dịch vụ chăm sóc SKTT, về nỗi sợ bị phân biệt đối xử. Do đó, cần nhiều hơn các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức và cung cấp thông tin, dịch vụ hỗ trợ sinh viên trong cải thiện và chăm sóc SKTT.

## V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ SV có RNTT ở trường ĐH Y – Dược, ĐH Thái Nguyên là 50,0%. Gần một nửa SV không tìm sự giúp đỡ từ bên ngoài mà tự mình tìm cách giải quyết khi gặp vấn đề SKTT. SV có xu hướng tìm kiếm sự hỗ trợ từ bạn bè (36,3%), gia đình (24,0%) nhằm giải quyết các vấn đề SKTT thay vì tìm đến dịch vụ chăm sóc SKTT chuyên nghiệp (2,6%). Trong số SV đã từng đi khám SKTT, có đến hơn một nửa SV (54,5%) lựa chọn khám ở các cơ sở y tế tư nhân thay vì cơ sở y tế công lập. Muốn tự mình giải quyết vấn đề; thấy nói chuyện với bạn bè, người thân sẽ tốt hơn; nghĩ rằng vấn đề sẽ tự hết và không cần sự giúp đỡ là những lý do được nhiều SV lựa chọn nhất khi trả

lời cho việc không tìm đến chuyên gia chăm sóc SKTT nếu có các vấn đề về SKTT.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Phạm Ngọc Minh, & cộng sự.** Dấu hiệu trầm cảm của sinh viên y khoa trường đại học y dược thái nguyên và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y học thực hành (1123), số 12/2019, Tr. 81-85 (2019).
2. **Tôn Thất Minh Thông, & cộng sự.** Sức khỏe tâm thần của sinh viên Đại học Huế. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, ISSN 1859-1612, Số 2(62)/2022: tr.163-173.
3. **UNICEF Việt Nam.** Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh thiếu niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam (2018).
4. **Trần Ngọc Đăng, Đỗ Văn Dũng, Huỳnh Hồ Ngọc Quỳnh.** Tỉ lệ rối nhiễu tâm trí và các yếu tố liên quan của sinh viên khoa Y Tế Công Cộng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh năm 2010. Tạp chí Nghiên cứu y học, số 1/2011, Tr. 62-67 (2011).
5. **Nguyễn Văn Hùng, Hoàng Thị Hương Lan.** Hành vi tìm kiếm sự trợ giúp đối với các vấn đề sức khỏe tâm thần ở sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Y Dược Huế. Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y Dược Huế, Tập 9, số 4 – tháng 7/2019, Tr. 92-97 (2019).
6. **Hughes, G., Panjawni, M., Tulcidas, P. & Byrom, N.,** 2018. Student Mental Health: The role and experiences of academics. Oxford: Student Minds. - <https://www.studentminds.org.uk/theroleofanacademic.html>
7. **Sareen J., & cộng sự.** Perceived barriers to mental health service utilization in the United States, Ontario, and the Netherlands. Psychiatr Serv. 2007 Mar;58(3):357-64. doi: 10.1176/ps.2007.58.3.357. PMID: 17325109 (2007).

# THỰC TRẠNG LO ÂU, STRESS VÀ TRẦM CẢM CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ THAM GIA CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 Ở MỘT SỐ BỆNH VIỆN TẠI HÀ NỘI NĂM 2020

Bùi Thị Thanh Vân<sup>1</sup>, Dương Thị Hải<sup>2</sup>,  
Nguyễn Thị Ngọc Nam<sup>2</sup>, Ngô Minh Đạt<sup>3</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỷ lệ lo âu, stress và trầm cảm ở các Nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch COVID-19 tại 8 bệnh viện khu vực Hà Nội năm 2020.  
**Phương pháp nghiên cứu:** Sử dụng bộ công cụ được xây dựng từ thang điểm DASS 21 (Depression –

Anxiety – Stress Scale) để xác định tỷ lệ lo âu, stress và trầm cảm trên 87 nhân viên y tế tại 8 bệnh viện tại khu vực Hà Nội có tổ chức khám sàng lọc và điều trị bệnh nhân Covid-19 tham gia nghiên cứu. **Kết quả:** Có 10,3% nhân viên y tế tham gia phòng/ chống dịch có ít nhất một biểu hiện rối loạn tâm thần (lo âu, stress, trầm cảm) có duy nhất một biểu hiện hoặc lo âu, hoặc stress hoặc trầm cảm, có 2 biểu hiện và có cả 3 biểu hiện lo âu, stress, trầm cảm là 4,6%. Tỷ lệ stress của đối tượng nghiên cứu có biểu hiện mức độ nhẹ và nặng chiếm tỷ lệ tương đương 2,3%, mức độ vừa chiếm tỷ lệ cao hơn 3,4%, không có biểu hiện stress ở mức độ rất nặng. Tỷ lệ nhân viên y tế trầm cảm có biểu hiện ở mức độ vừa là 4,6%, rất nặng chiếm tỷ lệ 1,1%. **Kết luận:** Có lần lượt 19,5%, 8% và 5,7% nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch

<sup>1</sup>Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

<sup>2</sup>Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Times City

<sup>3</sup>Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam

Chịu trách nhiệm chính: Bùi Thị Thanh Vân

Email: btvan118@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 25.4.2024

Ngày duyệt bài: 30.5.2024

COVID-19 tại một số bệnh viện tại khu vực Hà Nội có biểu hiện lo âu, stress và trầm cảm.

**Từ khoá:** Lo âu, Trầm cảm, Stress, Nhân viên y tế, Covid 19

## SUMMARY

### CURRENT STATUS OF ANXIETY, STRESS AND DEPRESSION OF HEALTHCARE WORKERS PARTICIPATING IN THE PREVENTION OF THE COVID 19 EPIDEMIC IN SOME HOSPITALS IN HANOI IN 2020

**Objectives:** To examine the rate of anxiety, stress and depression among healthcare workers participating in the COVID-19 epidemic prevention/control at some hospitals in Hanoi in 2020. **Method:** Using a set of tools evaluated according to the DASS 21 scale (Depression – Anxiety – Stress Scale) to examine the status of anxiety, stress and depression of 87 healthcare workers participating in screening patients with signs of acute respiratory infection (COVID-19) and medical staff treat and care for COVID-19. **Results:** There are 10.3% of healthcare workers participating in epidemic prevention/control have at least one symptom of mental disorder (anxiety, stress, depression). There is only one symptom of either anxiety, or stress or depression. There are 2 symptoms and all 3 symptoms of anxiety, stress, and depression are 4.6%. The rate of stress of research subjects with mild and severe levels was equivalent to 2.3%, moderate level was higher than 3.4%, and there were no signs of very severe stress. The proportion of healthcare workers with moderate depression is 4.6%, and very severe is 1.1%. **Conclusion:** The percentage of healthcare workers participating in COVID-19 epidemic prevention at some hospitals participating in the study showing signs of anxiety, stress and depression was 19.5%, 8% and 5.7%, respectively. **Keywords:** Anxiety, Depression, Stress, Healthcare workers, Covid 19

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khởi đầu vào tháng 12/2019, với tâm dịch đầu tiên là tại thành phố Vũ Hán – Trung Quốc, bắt nguồn từ 1 nhóm bệnh nhân mắc bệnh viêm phổi lạ chưa rõ nguyên nhân<sup>1</sup>. Tính đến tháng 07/2020, dịch bệnh đã nhanh chóng lây lan và trở thành đại dịch toàn cầu, hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới phát hiện có sự xuất hiện của virus SARS-CoV-2, khoảng 15 triệu người nhiễm, hơn 600.000 người tử vong. Với mức độ nguy hiểm toàn cầu, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã phải tổ chức một cuộc họp khẩn cấp và tuyên bố COVID-19 là tình trạng khẩn cấp y tế công cộng toàn cầu<sup>2</sup>. Tính đến thời điểm nghiên cứu là tháng 03 năm 2020, Việt Nam đã ghi nhận hơn 400 trường hợp nhiễm bệnh<sup>3</sup>.

Các nghiên cứu trước đây đã báo cáo phản ứng tâm lý bất lợi đối với dịch SARS năm 2003 ở nhân viên y tế. Nghiên cứu cho thấy những nhân viên chăm sóc sức khỏe sợ lây nhiễm và lây

nh nhiễm cho gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của họ, họ cảm thấy bị xa lánh và kỳ thị, miễn cưỡng làm việc hoặc có ý định nghỉ việc và báo cáo chỉ ra các mức độ căng thẳng, lo lắng và trầm cảm cao có thể có tác động tâm lý lâu dài. Những lo ngại tương tự về sức khỏe tâm thần, thay đổi về tâm lý của nhân viên y tế điều trị và chăm sóc bệnh nhân COVID-19 đang phát sinh<sup>4</sup>.

Mặc dù tại Việt Nam, số ca mắc so với trên thế giới không cao do chúng ta đã thực hiện tốt các biện pháp phòng và điều trị bệnh từ sớm. Tuy nhiên đây là căn bệnh hoàn toàn mới, chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, dễ lây lan, và chưa được khống chế khiến chúng ta cần tập trung cao độ để phòng chống, đặc biệt là với ngành y tế. Hiện tại ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu về COVID-19, tuy nhiên các nghiên cứu nhằm đánh giá sức khỏe tâm thần của các nhân viên y tế tham gia phòng/chống dịch thì còn hạn chế về số lượng. Vì vậy chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu “Thực trạng lo âu, stress và trầm cảm của Nhân viên y tế tham gia phòng/ chống dịch COVID-19 ở một số bệnh viện tại Hà Nội năm 2020” nhằm xác định tỷ lệ nhân viên y tế có biểu hiện lo âu, stress và trầm cảm trong quá trình tham gia phòng/chống dịch COVID-19 tại một số bệnh viện tại khu vực Hà Nội năm 2020.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** Tất cả Nhân viên y tế tham gia công tác khám sàng lọc bệnh nhân có dấu hiệu viêm đường hô hấp cấp tại các bệnh viện được Sở Y tế Hà Nội phân công và các nhân viên y tế điều trị, chăm sóc cho bệnh nhân nhiễm COVID-19 tại Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương cơ sở 2.

**Tiêu chuẩn lựa chọn:** Nhân viên y tế tham gia phòng/chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (COVID-19) trong thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2020 tại các bệnh viện tham gia nghiên cứu, Nhân viên y tế đồng ý tham gia nghiên cứu.

**Tiêu chuẩn loại trừ:** nhân viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

- Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Bắc Thăng Long, Bệnh viện Đức Giang, Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện Thanh Nhàn, Bệnh viện 198 Bộ Công an, Bệnh viện Đống Đa, Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, Bệnh viện Đa khoa Mê Linh.

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 06 năm 2020

**2.2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu thuận tiên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi phiếu tự điền online cho tất cả Nhân viên y tế tham gia công tác khám sàng lọc, điều trị và chăm sóc cho các bệnh nhân nghi nhiễm hoặc nhiễm COVID-19 tại các bệnh viện kể trên. Thực tế kết quả thu thập được 87 phiếu điều tra từ các đối tượng nghiên cứu.

**2.3. Phương pháp tiến hành nghiên cứu**

- Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu theo thang điểm DASS 21 (Depression – Anxiety – Stress Scale)

- Liên hệ với lãnh đạo bệnh viện để xin ý kiến thu thập số liệu và được đồng ý trước khi thu thập số liệu.

- Thực hiện thu thập số liệu bằng hình thức online (do giãn cách xã hội) bằng phần mềm Kotobook. Các đối tượng được thông báo mục đích của nghiên cứu trước khi trả lời khảo sát.

- Đối với các phiếu điều tra chưa hoàn thiện điều tra viên sẽ liên hệ và đề nghị đối tượng bổ sung hoàn thiện.

**2.4. Các tiêu chuẩn đánh giá**

**Bộ công cụ gồm 2 phần:**

- Thông tin cá nhân (20 câu).

- Thang đánh giá lo âu, trầm cảm và stress (21 câu: chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm chia làm 07 tiểu mục, mỗi tiểu mục là một biểu hiện của triệu chứng thực thể hoặc tinh thần).

• Mức độ đánh giá

0: Không đúng với tôi chút nào cả

1: Đúng với tôi phần nào, hoặc thỉnh thoảng mới đúng

2: Đúng nhiều với tôi, hoặc phần lớn thời gian là đúng

3: Rất đúng với tôi, hoặc hầu hết thời gian là đúng

• Cách tính điểm. Điểm của lo âu, stress, trầm cảm được tính bằng cách cộng điểm các đề mục thành phần, rồi nhân hệ số 2.

Mức độ	Trầm cảm (D)	Lo âu (A)	Stress (S)
Bình thường	0 - 9	0 - 7	0 - 14
Nhẹ	10 - 13	8 - 9	15 - 18
Vừa	14 - 20	10 - 14	19 - 25
Nặng	21 - 27	15 - 19	26 - 33
Rất nặng	≥ 28	≥ 20	≥ 34

**2.5. Phương pháp xử lý số liệu:** xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 25.0.

**2.6. Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y Hà Nội và được chấp thuận bởi Lãnh

đạo 8 bệnh viện nơi thực hiện thu thập số liệu.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

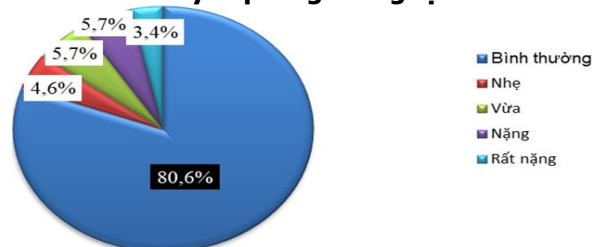
**3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu**

Nội dung	Số lượng		(%)
Giới tính	Nam	31	35,6
	Nữ	56	64,4
Tuổi	Từ 20 đến 40 tuổi	69	79,3
	Từ 41 đến 60 tuổi	18	20,7
Trình độ	Trung cấp, cao đẳng	43	49,4
	Đại học	24	27,6
	Sau đại học	19	21,8
	Khác	1	1,1
Thời gian tham gia	Dưới 2 tuần	4	4,6
	Từ 2 đến 4 tuần	13	14,9
	Từ 4 đến 8 tuần	24	27,6
	Từ 8 tuần trở lên	46	52,9
Tình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	71	81,6
	Chưa kết hôn	16	18,4
Vị trí làm việc	Tiếp xúc thường xuyên	40	46,0
	Không tiếp xúc thường xuyên	47	54,0
Nghề nghiệp	Bác sỹ	31	35,6
	Điều dưỡng	53	60,9
	Kỹ thuật viên	1	1,1
	Hộ lý	2	2,3

Bảng 3.1 chỉ ra rằng tỷ lệ nhân viên y tế nữ giới cao hơn so với nam giới (64,4% so với 35,6%), nhân viên y tế trong độ tuổi từ 20- 40 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (79,3%). Gần 1 nửa số đối tượng có trình độ học vấn là trung cấp và cao đẳng, trong đó thời gian tham gia công tác chống dịch lâu nhất là từ 8 tuần trở lên. Đa số là nhân viên y tế đã kết hôn (81,6%) và Điều dưỡng là đối tượng chiếm chủ yếu trong nghiên cứu (60,9%).

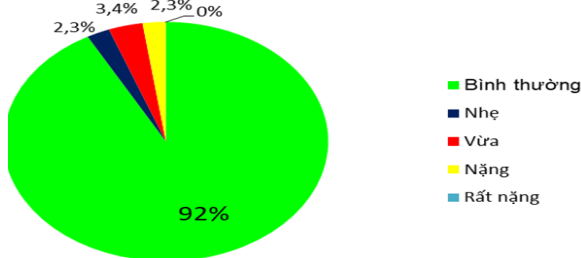
**3.2. Tình trạng lo âu, stress, trầm cảm của nhân viên y tế phòng chống dịch Covid-19.**



**Biểu đồ 3.1: Đặc điểm lo âu của NVYT tham gia phòng/ chống dịch Covid-19**

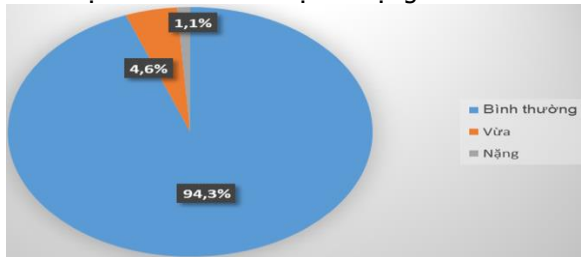
Kết quả biểu đồ 3.1 chỉ ra rằng: Có 19,5% nhân viên y tế có biểu hiện lo âu, trong đó: tỷ lệ

có mức độ lo âu vừa và nặng có tỷ lệ ngang nhau và chiếm cao nhất (5,7%), tiếp theo là tỷ lệ lo âu mức độ nhẹ chiếm 4,6%, thấp nhất là lo âu rất nặng chiếm 3,4%.



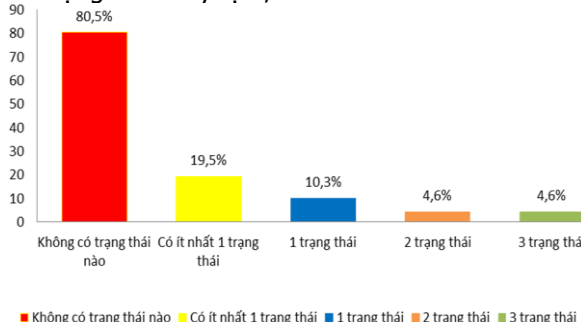
**Biểu đồ 3.2: Đặc điểm stress của NVYT tham gia phòng/ chống dịch Covid-19**

Biểu đồ 3.2 cho thấy: Có 8% nhân viên y tế có biểu hiện stress, trong đó: tỷ lệ có biểu hiện stress mức độ vừa chiếm tỷ lệ cao nhất là 3,4%, tiếp theo là tỷ lệ có biểu hiện mức độ nhẹ và nặng chiếm tỷ lệ tương đương 2,3%, không có biểu hiện stress ở mức độ rất nặng.



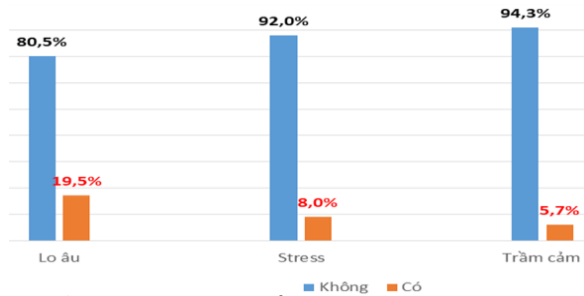
**Biểu đồ 3.3: Đặc điểm trầm cảm của NVYT tham gia phòng/ chống dịch**

Biểu đồ 3.3 chỉ ra rằng chỉ có 5,7% nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch bị trầm cảm, trong đó: Biểu hiện ở mức độ vừa là 4,6%, rất nặng chiếm tỷ lệ 1,1%.



**Biểu đồ 3.4. Phân bố nhân viên y tế có biểu hiện theo các nhóm lo âu, stress, trầm cảm**

Biểu đồ 3.4 chỉ ra rằng tỷ lệ nhân viên y tế tham gia phòng/ chống dịch có ít nhất một biểu hiện rối loạn tâm thần (lo âu, stress, trầm cảm) chiếm 19,5%, cụ thể: có duy nhất một biểu hiện chiếm 10,3%, có 2 biểu hiện chiếm 4,6% và có cả 3 biểu hiện chiếm 4,6%.



**Biểu đồ 3.5. Đặc điểm lo âu, stress, trầm cảm của Nhân viên y tế tham gia phòng/ chống dịch**

Kết quả biểu đồ 3.5 chỉ ra rằng: khi so sánh tỷ lệ Nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch COVID-19 về đặc điểm từng biểu hiện thì cao nhất là tỷ lệ có lo âu (19,5%), tiếp theo là tỷ lệ có stress (8,0%) và thấp nhất là tỷ lệ có biểu hiện trầm cảm (5,7%).

#### IV. BÀN LUẬN

##### Thông tin chung của nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch bệnh COVID-19

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 87 nhân viên y tế tham gia khảo sát với độ tuổi trung bình là 35,5 tuổi, tuổi nhỏ nhất là 26 và tuổi lớn nhất là 54. Phần lớn nhân viên y tế thuộc nhóm tuổi từ 20 tuổi tới 40 tuổi chiếm 79,3% đối tượng tham gia nghiên cứu. Nhân viên y tế nữ tham gia nghiên cứu chiếm 64,4%, gấp 2 lần so với nhân viên y tế nam. Có 81,6% nhân viên y tế đã lập gia đình và có con nên những vấn đề lo lắng đi kèm tương đối lớn, nhất là vấn đề con cái, trong khi đối tượng chưa kết hôn chỉ chiếm 18,4%. Về đặc điểm công việc chuyên môn của đối tượng nghiên cứu thì nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng phần lớn NVYT là điều dưỡng (60,9%), tiếp theo là đối tượng bác sĩ với 35,6%, kỹ thuật viên là 1,1%, hộ lý chiếm 2,3%; Về bằng cấp, có tới gần 1/2 đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn ở mức trung cấp, cao đẳng (49,4%) phù hợp với phân bố của NVYT chủ yếu điều dưỡng. Có 54,9% nhân viên tham gia phòng chống dịch trong thời gian từ 8 tuần trở lên, tiếp theo là nhóm tham gia từ 4-8 tuần, dưới 2 tuần chỉ chiếm 4,6%. Điều này phù hợp với các nghiên cứu về Covid-19, NVYT chấp nhận cách ly, ở lại làm việc tại bệnh viện trong thời gian dài, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, nguy cơ cao với trách nhiệm và mục tiêu điều trị khỏi cho người bệnh, tạo sự an tâm an toàn cho cộng đồng xã hội và các thành viên trong gia đình.

**Thực trạng lo âu, stress và trầm cảm của nhân viên y tế tham gia phòng/ chống dịch bệnh COVID-19.** Sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế đang ngày càng được quan tâm nhiều

hơn<sup>4</sup>. Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về lo âu, stress và trầm cảm theo nhiều hướng và trên nhiều đối tượng khác nhau như công nhân, học sinh-sinh viên, nhân viên lái xe, đặc biệt đối tượng là các nhân viên y tế – người trực tiếp hay gián tiếp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân<sup>4</sup>.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy Nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch COVID-19 về đặc điểm từng biểu hiện thì cao nhất là tỷ lệ có lo âu (19,5%), tiếp theo là tỷ lệ có stress (8,0%) và thấp nhất là tỷ lệ có biểu hiện trầm cảm (5,7%). Khi đánh giá chi tiết mức độ của từng khía cạnh kết quả chỉ ra rằng tỷ lệ mức độ lo âu vừa và nặng của nhân viên y tế là như nhau (5,7%), tiếp theo là tỷ lệ lo âu mức độ nhẹ (4,6%), trong khi tỷ lệ lo âu rất nặng chiếm tỷ lệ thấp nhất (3,4%); Về triệu chứng của stress, tỷ lệ nhân viên y tế có stress mức độ vừa chiếm tỷ lệ cao nhất (3,4%), trong khi tỷ lệ mức độ nhẹ và nặng chiếm tỷ lệ bằng nhau (2,3%), không có nhân viên y tế stress rất nặng; Về đặc điểm triệu chứng trầm cảm, tỷ lệ nhân viên y tế trầm cảm có mức độ nặng là 4,6% và cao gấp hơn 4 lần tỷ lệ trầm cảm rất nặng (1,1%).

Kết quả của chúng tôi so với nghiên cứu của Thạc sỹ Jianbo Lai tại thành phố Vũ Hán thì tỷ lệ này thấp hơn nhiều<sup>5</sup>. Điều này có thể lý giải do số lượng ca nhiễm tại Việt Nam thấp hơn. Việc kiểm soát sớm và tốt, hạn chế được sự lây lan trong cộng đồng làm giảm bớt được áp lực cho nhân viên y tế; trong khi tại Vũ Hán là tâm dịch đầu tiên của thế giới, số lượng ca nhiễm và chết không ngừng tăng lên theo ngày. Việc hệ thống y tế bị quá tải, thiếu trang thiết bị bảo hộ... dẫn tới tình trạng nhân viên y tế phải đối mặt với nhiều áp lực không chỉ về thể chất và tinh thần.

Kết quả của chúng tôi cũng thấp hơn nghiên cứu của Yiming Liang năm 2020 tại Trung Quốc, trong đó 30,4%, 20,3% và 14,5% nhân viên y tế tuyến đầu ở tỉnh Hồ Bắc và 23,1%, 13,1% và 10,6% nhân viên y tế tuyến đầu ở các khu vực khác lần lượt báo cáo các triệu chứng trầm cảm, lo lắng và mất ngủ<sup>6</sup>.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng có sự khác biệt với một số nghiên cứu tại Việt Nam. Nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Tuấn năm 2018 được tiến hành tại bệnh viện Trưng Vương nhằm đánh giá tình trạng stress, trầm cảm, lo âu của toàn bộ 650 nhân viên y tế tại bệnh viện. Kết quả cho thấy tỉ lệ stress là 10,5%, trong đó, mức độ vừa chiếm 6,9%, mức độ nặng chiếm 3,4% và mức độ stress rất nặng chiếm 0,2%. Có 20,8% mẫu nghiên cứu có biểu hiện trầm cảm, 15,4% ở mức độ vừa trong khi 1,9% trầm cảm ở mức độ rất

nặng. 31,5% nhân viên y tế ghi nhận có lo âu, chủ yếu là lo âu mức độ vừa với 21,8%, có khoảng 4,6% lo âu ở mức độ rất nặng<sup>7</sup>. Tương tự, kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của Đậu Thị Tuyết năm 2013 tại bệnh viện đa khoa thành phố Vinh và bệnh viện đa khoa khu vực 115 Nghệ An. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ NVYT khối lâm sàng có biểu hiện stress, lo âu, trầm cảm là tương đối cao (trung bình lần lượt là 20,4%, 29%, 13,6%)<sup>8</sup>. Sự khác biệt này có thể là do sự khác nhau về cỡ mẫu, và đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Sự khác nhau về tính chất công việc cũng dẫn tới mức độ lo âu, stress và trầm cảm khác nhau<sup>4</sup>.

## V. KẾT LUẬN

Có lần lượt 19,5%, 8% và 5,7% nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch COVID-19 tại một số bệnh viện ở khu vực Hà Nội có biểu hiện lo âu, stress và trầm cảm.

## VI. KHUYẾN NGHỊ

Cần có những biện pháp bảo vệ nhân viên y tế về cả sức khỏe lẫn tinh thần đặc biệt là những nhân viên tại tuyến đầu chống dịch.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Kang L, Li Y, Hu S, et al** (2020). The mental health of medical workers in Wuhan, China dealing with the 2019 novel coronavirus. The Lancet Psychiatry. 2020;7(3):e14.
2. **WHO**. Rolling updates on coronavirus disease (COVID-19).
3. **Bộ Y tế** (2020). Trang tin về dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Covid-19 của Bộ Y tế, truy cập tháng 03/2020.
4. **Fischer R, Bortolini T, Karl JA, et al** (2020). Rapid review and meta-meta-analysis of self-guided interventions to address anxiety, depression, and stress during COVID-19 social distancing.11, p.563876.
5. **Lai J, Ma S, Wang Y, et al** (2020). Factors associated with mental health outcomes among health care workers exposed to coronavirus disease 2019.3(3), pp.e203976-e203976.
6. **Liang Y, Wu K, Zhou Y, Huang X, Zhou Y, Liu Z** (2020). Mental Health in Frontline Medical Workers during the 2019 Novel Coronavirus Disease Epidemic in China: A Comparison with the General Population. International journal of environmental research and public health, 17(18).
7. **Nguyễn Mạnh Tuấn, Đàm Thị Tám Hương, Đặng Quang Hiếu và cộng sự** (2018). Stress, trầm cảm, lo âu của nhân viên y tế Bệnh viện Trưng Vương năm 2018. Tạp chí y học thành phố Hồ Chí Minh. 22, tr.71-79.
8. **Đậu Thị Tuyết** (2012). Tình trạng stress, lo âu, trầm cảm của cán bộ y tế khối lâm sàng tại bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, bệnh viện đa khoa 115 Nghệ An năm 2013 và một số yếu tố liên quan, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học y tế công cộng; 2012.